Lời nói đầu

Tài chính toàn diện hay còn gọi là tài chính bao trùm (tiếng Anh là *financial inclusion*) là việc mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu với chi phí hợp lý do các tổ chức tài chính cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, trong đó chú trọng đến nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ.

Một trong những chỉ tiêu quan trọng của tài chính toàn diện là số người trưởng thành tiếp cận (hoặc sở hữu) ít nhất một **tài khoản giao dịch**. Theo cơ sở dữ liệu Global Findex do Ngân hàng Thế giới công bố năm 2017, Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có mức độ tiếp cận đến các dịch vụ tài chính ở mức thấp với tỷ lệ người trưởng thành tại Việt Nam có tài khoản chỉ là 30,8%, thấp hơn hơn nhiều so với Trung Quốc (80,2%), Malaysia (85,3%), Thái Lan (81,6%). Bởi vậy, một trong những giải pháp để thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam chính là tháo gỡ các rào cản tiếp cận tài khoản giao dịch.

Trên thế giới có nhiều loại tài khoản khác nhau với những mục đích khác nhau như tài khoản giao dịch, tài khoản tiết kiệm, tài khoản vay...Trong đó, tài khoản giao dịch được hiểu là loại tài khoản có chức năng lưu trữ giá trị và có thể thực hiện thanh toán. Nhận thức được tầm quan trọng của tài khoản giao dịch đối với các giải pháp của Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, Viện Chiến lược ngân hàng đã thực hiện Chuyên đề nghiên cứu ***"Tài khoản giao dịch phục vụ mục tiêu thúc đẩy tài chính toàn diện".*** Chuyên đề sẽ tập trung phân tích khái niệm, vai trò và rào cản đối với việc tiếp cận và sử dụng tài khoản giao dịch, xu hướng phát triển tài khoản giao dịch trên thế giới. Đồng thời, phân tích thực trạng tài khoản giao dịch ở Việt Nam để từ đó đề xuất các giải pháp tháo gỡ rào cản, giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận được tài khoản giao dịch nói riêng và dịch vụ ngân hàng nói chung.

I. Tổng quan về tài khoản giao dịch[1]

1. Khái niệm

Tài khoản giao dịch ở cấp độ chung nhất, bao quát nhất, để chỉ tất cả các loại tài khoản có chức năng lưu trữ giá trị tiền tệ mà chủ tài khoản nhận được, và sử dụng giá trị tiền tệ đó để thực hiện thanh toán. Tài khoản giao dịch có thể mở tại một Ngân hàng hoặc một Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (TCCUDVTT) khác như các tổ chức trung gian thanh toán, các nhà vận hành mạng di động, bưu điện.

2. Một số loại tài khoản giao dịch

Về cơ bản, tài khoản giao dịch có thể được phân biệt thành 3 loại: tài khoản thanh toán, tài khoản tiền điện tử, tài khoản cơ bản (hoặc tài khoản thanh toán cơ bản).

a. Tài khoản thanh toán

- Tài khoản thanh toán là loại tài khoản giao dịch do các tổ chức được phép nhận tiền gửi mở cho khách hàng. Các tổ chức này thường là các ngân hàng, và tùy theo khuôn khổ pháp lý từng quốc gia mà còn có những tổ chức nhận tiền gửi khác như quỹ tín dụng, hợp tác xã, hay tổ chức tài chính vi mô (MFI)…

- Phạm vi dịch vụ được cung ứng: là tất cả các loại hình dịch vụ thanh toán, cùng với nhiều dịch vụ gia tăng khác, và thường bị tính phí dịch vụ.

Các tài khoản thanh toán có thể được liên kết với nhiều phương tiện và kênh thanh toán khác nhau cho nhiều mục đích thanh toán. Điển hình là thẻ ghi nợ được phát hành và sử dụng làm phương tiện thanh toán tại điểm bán hàng hoặc rút tiền mặt tại các ATM. Ngoài ra, chủ tài khoản còn có thể được phát hành séc, thấu chi tài khoản, sử dụng các dịch vụ thanh toán khác như chuyển tiền/chuyển khoản nội bộ hoặc liên ngân hàng qua dịch vụ ngân hàng trực tuyến, qua ATM hoặc các thiết bị đầu cuối chuyên dụng, hoặc ủy quyền trích nợ tự động thanh toán hóa đơn dịch vụ tiện ích trên tài khoản. Một số dịch vụ gia tăng khác trên tài khoản thanh toán có thể là: quản lý tài chính, dịch vụ trích nợ tự động…

- Về mức phí, các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán tính giá dịch vụ tài khoản thanh toán dưới hình thức một khoản phí định kỳ cố định, thường là hàng

[1] Các nội dung đưa ra trong phần I này đều được trích dẫn từ Báo cáo phân tích về Phương diện thanh toán của Tài chính toàn diện (gọi tắt là Báo cáo PAFI) của Ủy ban Cơ sở hạ tầng thanh toán và thị trường (CPMI) và Nhóm ngân hàng thế giới (WBG). Báo cáo do một Nhóm đặc trách thực hiện, bao gồm đại diện từ Ngân hàng Trung ương các nước thuộc CPMI và không thuộc CPMI hoạt động trong lĩnh vực Tài chính toàn diện, cũng như các Tổ chức tài chính quốc tế.

tháng, và/hoặc yêu cầu một số dư tối thiểu trong tài khoản. Nhiều tổ chức còn tính phí mở tài khoản. Những chi phí đặt ra này nhằm bù đắp chi phí hoạt động của tổ chức và thường ít có liên quan đến số lượng giao dịch và giá trị giao dịch của chủ tài khoản. Thông thường, các khoản phí hàng tháng sẽ được miễn nếu chủ tài khoản duy trì một số dư tối thiểu nhất định theo quy định của từng tổ chức cung cấp dịch vụ.

b. Tài khoản tiền điện tử

- Tài khoản tiền điện tử (e-money account) là tài khoản lưu trữ giá trị điện tử, được cung ứng bởi các ngân hàng, các định chế tài chính được phép nhận tiền gửi và các TCCUDVTT khác không được phép nhận tiền gửi như tổ chức trung gian thanh toán, nhà vận hành mạng di động. Tài khoản tiền điện tử được sử dụng để hỗ trợ cho sự phát triển của các phương tiện thanh toán điện tử.

- Phạm vi dịch vụ được cung ứng qua tài khoản tiền điện tử chỉ giới hạn ở việc nhận/trả các khoản thanh toán và lưu trữ giá trị. Thông thường, tài khoản tiền điện tử phải liên thông với tài khoản thanh toán tại ngân hàng để chuyển tiền trực tiếp qua lại giữa hai tài khoản.

- Do các dịch vụ được cung ứng chỉ giới hạn ở nhận/trả các khoản thanh toán và lưu trữ giá trị nên so với tài khoản thanh toán, tài khoản tiền điện tử dễ tiếp cận hơn, có chi phí thấp hơn và yêu cầu nhận biết khách hàng thấp hơn. Điều này giúp những người không tiếp cận được tài khoản thanh toán có được một tài khoản giao dịch đầu tiên, đóng góp vào mục tiêu tài chính toàn diện.

- Về hạn mức: do các điều kiện mở và sử dụng tài khoản được hạ thấp nên để hạn chế rủi ro, các tài khoản tiền điện tử thường được quy định giới hạn số dư tài khoản và hạn mức thanh toán nhất định khi thực hiện giao dịch. Đồng thời, không cho phép chủ tài khoản tham gia vào hệ thống thanh toán liên ngân hàng (tức là không cho phép thực hiện giao dịch với tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng khác).

c. Tài khoản cơ bản

- Để phục vụ cho mục đích hỗ trợ những người yếu thế được tiếp cận với dịch vụ tài chính chính thức, nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng một hình thức tài khoản thanh toán có chức năng tối thiểu, được gọi chung là tài khoản cơ bản. Tổ chức được cung ứng các tài khoản cơ bản là: các ngân hoặc một số TCCUDVTT phi ngân hàng như bưu điện...

- Các tính năng của tài khoản này rất đơn giản, chủ yếu chuyên dùng để nhận các khoản thanh toán thiết yếu đối với một công dân như: nhận tiền lương,

lương hưu, trợ cấp an sinh xã hội và chi trả các hóa đơn dịch vụ công. Các tài khoản này có thể được cung ứng kèm theo thẻ ghi nợ.

- Thông thường, tài khoản cơ bản không phải trả bất cứ loại phí nào liên quan hoặc nếu có thì mức phí cũng rất thấp. Các tài khoản cơ bản này có xu hướng không phải duy trì số dư tối thiểu.

- So với hai loại tài khoản trên, tài khoản cơ bản có quy trình mở dễ dàng nhất, tính năng đơn giản nhất và mức phí thấp nhất (gần như miễn phí).

Tổng kết lại, 3 loại tài khoản giao dịch nêu trên đều có chức năng cơ bản giống nhau, bao gồm: chuyển/nhận các khoản thanh toán và lưu trữ giá trị. Sự khác biệt lớn nhất thể hiện ở (i) loại hình dịch vụ thanh toán mà chủ tài khoản được phục vụ; (ii) loại hình định chế được phép cung ứng tài khoản đó cho khách hàng; (iii) phí và hạn mức giao dịch.

	Tài khoản thanh toán	**Tài khoản điện tử**	**Tài khoản cơ bản**
Phạm vi cung cấp dịch vụ	- Tất cả các loại hình dịch vụ thanh toán - Và nhiều dịch vụ gia tăng khác	Giới hạn ở việc nhận/trả các khoản thanh toán và lưu trữ giá trị	Chuyên dùng để nhận các khoản thanh toán cần thiết đối với một công dân (nhận tiền lương, lương hưu, trợ cấp an sinh xã hội và chi trả các hóa đơn dịch vụ công)
Tổ chức cung ứng	Các tổ chức được phép nhận tiền gửi (thường là các ngân hàng hoặc những tổ chức nhận tiền gửi khác như quỹ tín dụng, hợp tác xã, hay tổ chức tài chính vi mô...tùy theo từng quốc gia)	- Các tổ chức được phép nhận tiền gửi - Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác không được phép nhận tiền gửi như tổ chức trung gian thanh toán, nhà vận hành mạng di động...	- Các tổ chức được phép nhận tiền gửi - Một số tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác không được nhận tiền gửi như bưu điện...
Phí	- Mức phí cao - Thu nhiều loại phí như: phí mở tài khoản, phí duy trì tài khoản, phí cố định hàng tháng không liên quan đến số lượng và giá trị giao dịch	Có thu phí nhưng thấp hơn so với tài khoản thanh toán	Miễn phí hoặc mức phí rất thấp
Hạn mức	- Hạn mức giao dịch không bị giới hạn hoặc	- Quy định hạn mức thanh toán nhất định	- Quy định hạn mức thanh toán nhất định khi

	giới hạn ở mức cao - Không quy định số dư tài khoản tối đa - Phải duy trì số dư tối thiểu	khi thực hiện giao dịch - Quy định số dư tài khoản tối đa - Không phải duy trì số dư tối thiểu	thực hiện giao dịch - Quy định số dư tài khoản tối đa

3. Vai trò, ý nghĩa của tài khoản giao dịch

Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt

Tài khoản giao dịch là trung tâm của dịch vụ thanh toán bán lẻ. Về cơ bản, người sử dụng dịch vụ không có tài khoản giao dịch bị giới hạn ở một phương tiện thanh toán duy nhất là tiền mặt. Mặc dù tiền mặt có thể đáp ứng một số nhu cầu thanh toán giá trị thấp hàng ngày, đặc biệt là các khoản thanh toán trực tiếp, nhưng lại có hạn chế đáng kể đối với các khoản thanh toán từ xa hay giá trị cao hơn, có thể phát sinh thêm chi phí đối với các hình thức thanh toán bằng tiền mặt khi nhận hàng hoặc tăng nguy cơ mất mát hay trộm cắp. Tài khoản giao dịch đã khắc phục được tối đa những hạn chế của thanh toán bằng tiền mặt.

Tài khoản giao dịch là nền tảng cho việc cung ứng dịch vụ thanh toán điện tử

Mọi người dân trên thế giới đều có nhu cầu chuyển và nhận các khoản thanh toán trong đời sống hàng ngày. Tiền giấy và tiền xu đã đảm nhận vai trò phương tiện thanh toán chủ yếu trước khi dịch vụ thanh toán điện tử được các ngân hàng và nhiều TCCUDVTT khác phát triển. Dịch vụ thanh toán điện tử vừa giải quyết được những hạn chế của tiền mặt với vai trò là một phương tiện thanh toán, vừa mang lại cơ hội cải thiện tốc độ, tính an toàn, thuận tiện và các tính năng liên quan khác của thanh toán trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Việc sử dụng tài khoản giao dịch rộng rãi thông qua các phương diện thanh toán điện tử sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho các cá nhân được tiếp cận dịch vụ tài chính, cho cả hệ thống thanh toán quốc gia của một đất nước và cuối cùng là nền kinh tế[2].

Tăng cường nhận thức và kỹ năng tài chính

Một tài khoản giao dịch đòi hỏi phải có đủ số dư trong tài khoản để thực hiện thanh toán, và điều này đồng nghĩa với việc duy trì một lượng giá trị tiền tệ nhất định ở tài khoản trong một khoảng thời gian. Giá trị tiền tệ lưu giữ trong tài

[2] Ví dụ, tăng khối lượng thanh toán điện tử sẽ giúp cho cơ sở hạ tầng thanh toán đạt được lợi ích kinh tế về quy mô và hiệu ứng ngoại vi tích cực.

khoản giao dịch còn có ý nghĩa định hướng hành vi tiết kiệm và tiêu dùng của chủ tài khoản một cách hợp lý. Việc theo dõi biến động số dư trên tài khoản giao dịch còn giúp các cá nhân và doanh nghiệp quản lý giao dịch tài chính hàng ngày của họ.

Giúp thúc đẩy các dịch vụ tài chính khác và cuối cùng là thực hiện mục tiêu tài chính toàn diện

Tiếp cận và sử dụng các tài khoản giao dịch cho mục đích thanh toán và lưu trữ giá trị là bước khởi đầu để đạt được tài chính toàn diện. Ở bước tiếp theo, thông qua tài khoản giao dịch, các cá nhân sẽ có điều kiện tiếp cận thêm các dịch vụ tín dụng, bảo hiểm, tiết kiệm và đầu tư. Để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng trong trường hợp này, tổ chức cung ứng dịch vụ thiết kế các sản phẩm phù hợp thông qua các yếu tố như: giá cả, tính năng sản phẩm, khả năng tiếp cận dễ dàng và các chính sách khác.

Xét từ phía cung, thông qua khoản giao dịch, tổ chức cung ứng dịch vụ có thể dễ dàng có được một số thông tin cần thiết như nguồn thu nhập thường xuyên của khách hàng, xu hướng thanh toán của khách hàng... để thiết lập một hồ sơ giao dịch tài chính của chủ sở hữu tài khoản, từ đó thiết kế, gợi ý và cung cấp các dịch vụ bổ sung phù hợp. Khách hàng còn có thể trả nợ các khoản vay và các dịch vụ tài chính trả góp khác bằng cách thiết lập yêu cầu trích nợ tự động từ tài khoản giao dịch.[3]

4. Rào cản đối với việc tiếp cận và sử dụng tài khoản giao dịch

Có nhiều yếu tố làm hạn chế việc tiếp cận và sử dụng thường xuyên tài khoản giao dịch. Cụ thể là:

Mức phí cao đối với tài khoản thanh toán

Chi phí cố định chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cung ứng dịch vụ của TCCUDVTT[4]. Việc mở và duy trì tài khoản thanh toán phát sinh chi phí cố định cho TCCUDVTT, mà những chi phí này phần lớn không phụ thuộc vào số lượng và giá trị các giao dịch thanh toán của khách hàng. Do đó, để thu hồi chi phí cố định này, TCCUDVTT thường tính một loại phí không liên quan đến số lượng và giá trị giao dịch thanh toán của chủ tài khoản[5] mà dưới dạng một khoản

[3] Trong một số trường hợp, đối với cá nhân được trả lương, việc trích nợ tự động được xử lý ngay trong ngày thanh toán, thậm chí trước khi tiền được chuyển vào tài khoản của chủ tài khoản.

[4] Chi phí cố định phát sinh từ hoạt động của các chi nhánh, từ việc sử dụng nền tảng công nghệ, từ dịch vụ pháp lý, kế toán và bảo mật và các hoạt động khác. Đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ được phép, chi phí cố định còn nằm ở chi phí pháp lý và chi phí cố định kết nối với hạ tầng tài chính, ví dụ như hệ thống thanh toán liên ngân hàng. Chi phí cố định cũng chịu ảnh hưởng bởi yếu tố biến đổi khác, ví dụ như điều kiện của toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông hoặc chi phí thực hiện hợp đồng.

[5] Tại một số quốc gia, một số loại tài khoản không có bất cứ loại phí nào. Trong trường hợp này, TCCUDVTT thu hồi chi phí thông qua bán chéo các sản phẩm khác, hoặc các chi phí này được trả bởi một người khác không

phí định kỳ cố định, thường là hàng tháng, trong đó có thể bao gồm một số dịch vụ cơ bản như chuyển tiền nội mạng hoặc một vài giao dịch rút tiền mặt nội mạng tại các máy giao dịch tự động (ATM).

Mức phí cố định hàng tháng (cũng như phí thu trên mỗi giao dịch hay phí thay đổi tùy giao dịch) phụ thuộc vào một số yếu tố, điển hình là một hệ thống tài chính nhỏ có thể không vận hành hiệu quả do không đạt được lợi ích kinh tế về quy mô. Kết quả là, hệ thống đó có thể không đạt được tới một điểm cân bằng tối ưu mà tại đó chi phí trung bình trên mỗi tài khoản cao và mức độ sử dụng ở mức thấp (như chỉ có vài khách hàng và vài giao dịch).[6] Các yếu tố liên quan khác có thể dẫn đến mức phí cao bao gồm có mức độ cạnh tranh thấp trên thị trường dịch vụ thanh toán, những rào cản đáng kể khiến các TCCUDVTT khó gia nhập thị trường (như không được kết nối với hạ tầng hoặc các yêu cầu bảo đảm an toàn cao), hạ tầng cơ sở kém phát triển và chi phí chìm cao (như do thiếu tính liên thông của các cơ sở hạ tầng).

Mức phí cao ảnh hưởng đến tất cả người sử dụng dịch vụ và tác động tiêu cực hơn đối với người có mức thu nhập thấp: (i) người sử dụng không có khả năng duy trì các số dư tối thiểu hàng tháng, trả phí cố định hàng tháng hoặc phí duy trì tài khoản; (ii) mức phí trên mỗi giao dịch cao khiến cho việc thực hiện khoản thanh toán có giá trị nhỏ càng trở nên tốn kém. Do đó, một bộ phận lớn cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ sẽ không có đủ khả năng trả chi phí cho việc mở, duy trì và sử dụng tài khoản thanh toán.[7]

Tuy nhiên, có những yếu tố có thể làm giảm mức phí liên quan tài khoản giao dịch, chẳng hạn như việc sử dụng thanh toán điện tử, không sử dụng séc, sử dụng lệnh giao dịch tự động (như chuyển tiền định kỳ) hoặc dịch vụ ủy quyền ghi nợ tự động cho việc thanh toán hóa đơn tiện ích. Tổng các chi phí thấp hơn để sở hữu và sử dụng các tài khoản giao dịch có thể làm cho các tài khoản này hấp dẫn hơn đối với khách hàng, đồng thời làm thay đổi mức cân bằng chi phí - lợi ích đối với các tổ chức cung ứng tài khoản đó.

Chi phí gián tiếp cao

---

phải khách hàng (ví dụ như cơ quan chính phủ sử dụng dịch vụ trong chương trình chuyển tiền mặt). Tại một số nước, Luật quy định ngân hàng phải cung ứng một loại tài khoản nhất định mà không được thu phí của khách hàng.

[6] Ngược lại, trong một hệ thống tài chính đạt được lợi ích kinh tế về quy mô và hiệu ứng ngoại vi, các TCCUDVTT có thể sẽ không tính phí tài khoản giao dịch bởi vì việc thu hồi chi phí không có nhiều khó khăn. Các tài khoản này thường hoạt động ít nhưng vẫn mang lại lợi nhuận

[7] Một số nghiên cứu cho rằng khả năng chịu đựng phí là một yếu tố quan trọng nhất cho lý do cá nhân không mở tài khoản ở một tổ chức tài chính được phép, và việc giảm phí sẽ làm cho việc mở tài khoản trở nên hấp dẫn hơn đối với hơn 500 triệu người trưởng thành trên toàn thế giới hiện không có tài khoản. Chi tiết tham khảo Demirguc-Kunt and Klapper (2012).

Chi phí cố định để vận hành mạng lưới dịch vụ (như trang bị máy móc, thiết bị, trụ sở, nhân công) cao không chỉ tác động đến mức phí áp cho người dùng cuối của dịch vụ tài chính, mà nó còn tác động tiêu cực đến mức độ bao phủ về mặt địa lý của TCCUDVTT. Ví dụ, các ngân hàng và TCCUDVTT khác sẽ không mở chi nhánh hoặc đặt máy ATM ở các thị trấn nhỏ nếu tiềm năng thị trường (như nhu cầu sử dụng tài khoản giao dịch) không đủ để trang trải chi phí cố định. Ngược lại, mức độ bao phủ thấp của TCCUDVTT lại làm tăng chi phí gián tiếp cho người sử dụng dịch vụ (tăng chi phí di chuyển hoặc mất nhiều thời gian để tiếp cận điểm cung ứng dịch vụ gần nhất).

Như vậy, chi phí gián tiếp cao trước hết hạn chế người dùng tiềm năng mở tài khoản giao dịch và sau đó trở thành một trở ngại đáng kể cho việc sử dụng các tài khoản giao dịch đó.

Nền kinh tế và lao động phi chính thức

Ở cả nền kinh tế phát triển và đang phát triển, có những người sử dụng dịch vụ thanh toán mà không chọn phải có một tài khoản giao dịch ngay cả khi họ có đủ khả năng chịu những chi phí trực tiếp và không gặp phải trở ngại lớn về địa lý cho việc tiếp cận dịch vụ. Nói cách khác, họ đã tự nguyện loại mình ra khỏi việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính này[8].

Bản chất của việc "tự loại trừ" là họ không có động lực hoặc nhu cầu cần phải sử dụng các tài khoản hoặc có những trải nghiệm tiêu cực với TCCUDVTT, do đó họ lựa chọn tiền mặt và các loại dịch vụ thanh toán khác như sử dụng tài khoản giao dịch của người khác để đáp ứng nhu cầu thanh toán.

Trên thực tế, nhiều người "tự loại trừ" đang hoạt động trong môi trường kinh tế phi chính thức,[9] đặc biệt là lao động phi chính thức. Họ thực hiện thanh toán và cất trữ tiền bằng các phương tiện khác không phải tài khoản giao dịch chính thức. Nhiều cá nhân và doanh nghiệp hoạt động trong môi trường phi chính thức không mong muốn có tài khoản giao dịch nhằm trốn tránh nghĩa vụ thuế của chính phủ và các khoản đóng góp an sinh xã hội.

Việc các cá nhân và doanh nghiệp dựa vào tiền mặt hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn để thực hiện các khoản thanh toán và lưu trữ giá trị rõ ràng làm giảm mức độ sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong cộng đồng, khu vực và quốc gia. Điều này tiếp tục làm giảm giá trị của tài khoản giao dịch cho tất cả các đối tượng kinh tế, bao gồm cả những người đã có tài khoản giao dịch. Bởi lẽ đó, lao động phi chính thức và rộng hơn là nền kinh tế

[8] Một số người sử dụng trước đây đã có một tài khoản nhưng sau đó lại không dùng nữa

[9] Lao động phi chính thức thường được nhắc tới trong trường hợp cá nhân tự doanh hoặc người lao động không có trợ cấp an sinh xã hội và thu nhập của họ không được báo cáo tới cơ quan thuế. Những người lao động như vậy thường không có hợp đồng lao động theo quy định của luật lao động.

phi chính thức không những làm giảm nhu cầu đối với các tài khoản giao dịch, mà còn làm giảm tính hấp dẫn của tài khoản đối với người sử dụng hiện tại và tiềm năng, đồng thời lại tăng tính hấp dẫn tương đối của tiền mặt. Mức độ phi chính thức càng cao, tác động không mong muốn đối với tài khoản giao dịch càng lớn.

Các vấn đề về giới, nhu cầu văn hóa và tôn giáo, tín ngưỡng

Các lý do khác khiến cho người sử dụng tự loại trừ bản thân ra khỏi việc sử dụng tài khoản giao dịch là văn hóa hay tôn giáo. Những người này tin rằng việc sở hữu và sử dụng tài khoản giao dịch theo cách hiện nay không phù hợp với một số truyền thống văn hóa hay tôn giáo của họ.

Giới tính cũng có thể là một lý do quan trọng hạn chế việc mở và sử dụng các tài khoản giao dịch. Ở một số quốc gia, tập quán xã hội làm phụ nữ bị hạn chế khả năng độc lập tài chính và tự chủ, dẫn đến hạn chế khả năng tiếp cận tới các điểm giao dịch và hiểu biết tài chính, các tổ chức cung ứng dịch vụ cũng gặp khó khăn trong việc thiết kế sản phẩm phù hợp. Các yếu tố như mức độ chấp nhận rủi ro, tỷ lệ sử dụng công nghệ, kiến thức tài chính và trách nhiệm trong gia đình[10] khác nhau giữa nam giới và phụ nữ cũng khiến mức độ tiếp cận dịch vụ của hai giới khác nhau, trong đó phụ nữ tiếp cận dịch vụ khó khăn hơn nam giới.

Kiến thức về tài chính hạn chế

Ngay cả khi có điều kiện thuận lợi để sở hữu tài khoản giao dịch (mạng lưới chấp nhận rộng rãi các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt, mức phí các dịch vụ tài khoản giao dịch thấp so với mức thu nhập chung, khả năng tiếp cận dễ dàng tới các điểm cung ứng dịch vụ tài khoản và mức độ của hoạt động kinh tế phi chính thức thấp…), nhưng một số cá nhân vẫn không nhận thức được những lợi ích có sẵn cho họ và những lợi ích tiềm tàng có được từ việc sử dụng dịch vụ tài chính này, do thiếu những kiến thức cơ bản để tiếp cận và sử dụng các dịch vụ. Một số cá nhân khác cũng ngại tương tác với các TCCUDVTT hoặc sợ bị các TCCUDVTT lừa đảo. Đây là một trở ngại khiến một bộ phận cá nhân không sở hữu và sử dụng các tài khoản giao dịch.

Thiết kế các tài khoản giao dịch và các dịch vụ thanh toán liên quan không đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng

Tính năng hoặc thiết kế tài khoản giao dịch và dịch vụ thanh toán đi kèm sẽ quyết định được khả năng tài khoản đó có đáp ứng hoặc đáp ứng một phần nhu cầu của khách hàng hay không. Các tính năng được xây dựng để đáp ứng

[10] Như kết quả của báo cáo năm 2015 của G20 về sự tham gia kinh tế của phụ nữ đã chỉ ra (G20 GPFI (2015)

nhu cầu của khách hàng ngân hàng truyền thống có thể lại không đáp ứng được nhu cầu của các cá nhân và doanh nghiệp hiện không có tài khoản giao dịch. Các cá nhân và doanh nghiệp bị loại trừ khỏi dịch vụ này thường có thu nhập thấp và không ổn định, sống trong các cộng đồng bị cô lập về tài chính và/hoặc gặp khó khăn khi thao tác với công nghệ.

Định kiến của khách hàng về tài khoản giao dịch là không an toàn và/hoặc dịch vụ thanh toán đi kèm không đáng tin cậy

Một số người sử dụng không muốn lưu trữ giá trị trong các tài khoản giao dịch hay thực hiện chuyển và nhận khoản thanh toán thông qua tài khoản. Điều này có thể là do trải nghiệm trước đó khi các cá nhân hoặc doanh nghiệp bị thiệt hại khi sử dụng các tài khoản giao dịch - ví dụ như TCCUDVTT bị phá sản, hay do cơ quan nhà nước thực hiện các biện pháp cưỡng chế (ví dụ như phong tỏa tiền của khách hàng hoặc thu hồi/giảm trừ các khoản tiền gửi cho các nghĩa vụ dân sự...) hoặc do gian lận. Những trường hợp như thế gây tâm lý e ngại rằng tài khoản giao dịch không đảm bảo an toàn. Trong những trường hợp khác, việc thiếu các kênh thanh toán đáng tin cậy như chi nhánh, ATM, POS, các đại lý của TCCUDVTT... đều có thể làm cho người sử dụng nghi ngờ độ tin cậy của tài khoản giao dịch và ưa thích sử dụng tiền mặt hơn.

II. Thực trạng tài khoản giao dịch tại Việt Nam

Hiện nay, tại Việt Nam tồn tại một số loại tài khoản như tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm và tài khoản vay... Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý hiện hành **chưa có quy định nào** đề cập tới khái niệm ***tài khoản giao dịch*** trên giác độ là một khái niệm chung nhất để chỉ tất cả các loại tài khoản có chức năng lưu trữ giá trị và thực hiện giao dịch thanh toán chuyển/nhận tiền. Vì vậy, các chỉ số đo lường tài chính toàn diện không thể dựa vào khái niệm tài khoản giao dịch để đo lường mức độ tiếp cận dịch vụ của Việt Nam như các quốc gia khác mà thay bằng chỉ số về số lượng người có ít nhất một tài khoản mở tại ngân hàng (chính là tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi thanh toán).

Tuy chưa có khái niệm về tài khoản giao dịch nói chung nhưng khuôn khổ pháp lý hiện hành của Việt Nam đã có quy định riêng đối với một số loại tài khoản giao dịch cụ thể đã nêu ở phần I, cụ thể như sau:

1. Tài khoản thanh toán tại Việt Nam

a. Các quy định pháp lý

Các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam liên quan đến tài khoản thanh toán bao gồm:

- **Luật Các TCTD năm 2010** (Điều 4, Khoản 22) định nghĩa: tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng. Hoạt động *cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản* có thể được xem xét trên hai khía cạnh:

+ Về **phạm vi,** *cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản* là thuộc một trong các *hoạt động ngân hàng* quy định tại Khoản 12, Điều 4, Luật TCTD 2010, theo đó "*Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: a) Nhận tiền gửi; b) Cấp tín dụng; c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản." Trong khi đó "*Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng*" (Khoản 15, Điều 4).

+ Về **đối tượng** cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản**,** theo Khoản 2, Điều 4, Luật TCTD 2010: "*Ngân hàng* là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng...", và các loại hình ngân hàng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã (Khoản 2, Điều 4). Đồng thời, Ngân hàng thương mại (Khoản 4, Điều 98), Ngân hàng Hợp tác xã (Khoản 2, Điều 117), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Khoản 1 Điều 123) được phép "*mở tài khoản thanh toán* cho khách hàng" để *cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản;* Tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác) là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện **một hoặc một số** hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật TCTD, ***trừ c****ác hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng* (Khoản 4, Điều 4).

- **Nghị định 101/2012/NĐ-CP** được Chính phủ ban hành ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt đã đề cập tới *tài khoản thanh toán*, cùng phạm vi dịch vụ và chủ thể được phép cung ứng tài khoản thanh toán cho khách hàng. Cụ thể là:

+ Về **phạm vi**, (theo Điều 14, Khoản 1) "Dịch vụ thanh toán **qua tài khoản thanh toán** của khách hàng bao gồm: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; (b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ. Và "Dịch vụ thanh toán **không qua tài khoản thanh toán** của khách hàng, bao gồm: dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và một số dịch vụ thanh toán khác."

+ Về **đối tượng** thực hiện: Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán chỉ được thực hiện bởi Ngân hàng Nhà nước, các NHTM và chi nhánh ngân

hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách (cung ứng đầy đủ các dịch vụ theo định nghĩa tại Khoản 1 nói trên); Ngân hàng Hợp tác xã (được cung ứng một số dịch vụ sau khi được NHNN chấp nhận (Khoản 2, Điều 14). Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán có thể được cung ứng bởi NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách (không hạn chế); Quỹ TDND (chỉ được chuyển tiền, thu hộ, chi hộ cho thành viên); Tổ chức tài chính vi mô (thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô); các tổ chức khác theo quy định của NHNN (Khoản 3, Điều 14).

- **Thông tư 23/2014/TT-NHNN** (và Thông tư 32/2016/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư 23) chỉ quy định về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mà không có giải thích về khái niệm tài khoản thanh toán đã nêu tại Điều 4 Luật các TCTD 2010. Tài khoản thanh toán theo Thông tư này được hiểu ngắn gọn là tài khoản do khách hàng mở tại một TCCUDVTT (Khoản 1, 2 và 3, Điều 3). Chủ tài khoản thanh toán được sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ (Khoản 1a, Điều 5).

Các tổ chức được phép cung ứng tài khoản thanh toán cho khách hàng cá nhân và tổ chức (trong đó có doanh nghiệp) là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách và ngân hàng hợp tác, không bao gồm quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.

Đối với cá nhân, ở Việt Nam, người đủ 15 tuổi (kể cả người nước ngoài) được phép mở tài khoản thanh toán. Khi mở tài khoản các cá nhân phải nộp giấy tờ tùy thân là thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (bản sao). Người mở tài khoản điền thông tin cá nhân vào mẫu của ngân hàng gồm tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, số Chứng minh nhân dân (hoặc Căn cước) cùng với chữ ký. Ngoài phương thức nộp trực tiếp, người mở tài khoản cũng có thể gửi hồ sơ bằng đường bưu chính hoặc bằng phương tiện điện tử. Sau khi kiểm tra, nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, ngân hàng ***phải gặp mặt trực tiếp*** chủ tài khoản khi ký hợp đồng mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Khoản 3, Điều 14, Thông tư 23/2014/TT-NHNN.

Tóm lại, tài khoản thanh toán được hiểu là loại tài khoản được mở tại NHNN, các NHTM, NHCSXH, NH Hợp tác xã và chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Dịch vụ được cung cấp (theo Khoản 2, Điều 14, Nghị định 101) là "Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ".

Các tổ chức khác không thuộc đối tượng nêu trên như quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô... chỉ được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán.

b. Một số rào cản do quy trình, thủ tục mở tài khoản thanh toán

Theo số liệu của NHNN được thu thập từ bên cung, tính đến tháng 6/2018, tổng số lượng tài khoản thanh toán cá nhân đạt trên 72 triệu tài khoản, trong đó, số người dân có tài khoản ngân hàng là hơn 43 triệu người (tức là số tài khoản cá nhân sau khi đã loại trừ trùng lặp), chiếm trên 60% dân số trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên). Tuy nhiên, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới được thu thập từ bên cầu (Điều tra chọn mẫu) công bố trên cơ sở dữ liệu về tài chính toàn diện (Findex), con số này của Việt Nam là 30,8%, thua xa một số nước trong khu vực cũng từ cơ sở dữ liệu này như Trung Quốc (80,2%), Malaysia (85,3%), Thái Lan (81,6%). Tỷ lệ này ở vùng nông thôn Việt Nam là thấp hơn nhiều, chỉ khoảng 25% người trưởng thành có tài khoản, trong khi dân số nông thôn chiếm tới 65% tổng dân số.

Một trong những rào cản chính khiến tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng ở Việt Nam thấp hơn một số nước trong khu vực là Quy trình nhận biết khách hàng (KYC) khá chặt chẽ, cụ thể như sau:

Luật Phòng chống rửa tiền (Luật số 07/2012/QH13) quy định rõ tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch với tổ chức tài chính (Khoản 1a, Điều 8). Thông tin nhận biết khách hàng theo Luật bao gồm họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại (đối với khách hàng cá nhân). Luật cũng quy định biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng tại Khoản 1a, Điều 11, theo đó các tài liệu để xác minh bao gồm chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp. Người có nhiệm vụ xác minh có thể thông qua tổ chức, cá nhân khác đã hoặc đang có quan hệ với khách hàng; hoặc thông qua cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để thu thập thông tin và đối chiếu với thông tin khách hàng cung cấp (Khoản 2, Điều 11); hoặc có thể thuê các tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng (Khoản 3, Điều 11).

Như vậy, Luật Phòng chống rửa tiền **không** có quy định nào yêu cầu ngân hàng/TCCUDVTT phải gặp mặt trực tiếp khi mở tài khoản. Tuy nhiên, Nghị định số 116/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền quy định như sau:

“Điều 8. Giao dịch liên quan tới công nghệ mới

1. Giao dịch liên quan tới công nghệ mới là giao dịch sử dụng công nghệ cho phép khách hàng thực hiện giao dịch mà không cần gặp mặt trực tiếp nhân viên của đối tượng báo cáo.

2. Đối tượng báo cáo khi cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện các yêu cầu sau:

a) **Gặp mặt trực tiếp khách hàng** khi lần đầu thiết lập mối quan hệ và yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;”

Đối tượng báo cáo ở đây là các tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan. Điều này có thể hiểu là khi các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán mở tài khoản lần đầu cho khách hàng sẽ phải thực hiện quy trình nhận biết khách hàng bằng cách gặp mặt trực tiếp, sau đó mới được cung ứng dịch vụ qua kênh internet và điện thoại di động.

Việc nhân viên ngân hàng phải gặp mặt trực tiếp khách hàng khi ký hợp đồng mở tài khoản cũng được quy định tại Thông tư 23/2014/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Tuy nhiên, Luật Phòng chống rửa tiền có quy định về việc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro, theo đó đối với khách hàng có mức độ rủi ro thấp, thì đối tượng báo cáo (tức là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) có thể áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ thấp hơn nhưng phải bảo đảm thu thập được đầy đủ thông tin về khách hàng (Khoản 2, Điều 12) trong khi đó Nghị định 116 hướng dẫn thi hành luật lại không có hướng dẫn theo tinh thần này.

Như vậy, đã có sự không thống nhất giữa Luật Phòng chống rửa tiền và Nghị định 116 về các biện pháp nhận biết khách hàng khi mở tài khoản thanh toán.

Thêm vào đó, chính quy định phải gặp mặt trực tiếp khách hàng khiến nhiều người, đặc biệt là những người ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa không tiếp cận được tài khoản thanh toán và có thể đẩy họ ra khỏi khu vực dịch vụ chính thức đồng thời có khả năng làm tăng rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố do họ phải chuyển sang khu vực tài chính không chính thức.

Trên thị trường Việt Nam hiện nay có hai đại diện tiêu biểu cho việc tiên phong ứng dụng công nghệ giúp quy trình mở tài khoản dễ dàng, đơn giản hơn, đó là Timo – Ngân hàng số được bảo trợ bởi Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) và LiveBank – Chi nhánh ngân hàng tự động không cần giao dịch

viên của Ngân hàng Tiên Phong (TP Bank). Quy trình mở tài khoản của Timo khá đơn giản, khách hàng chỉ cần cung cấp các thông tin về họ tên, địa chỉ email, số điện thoại, ngày sinh, số chứng minh thư/hộ chiếu. Toàn bộ quy trình diễn ra trong vòng 2 phút. Tuy nhiên, khách hàng vẫn phải tới trực tiếp một trong những chi nhánh của VP Bank để hoàn tất quá trình định danh theo đúng quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền đã nêu trên. Tại LiveBank, để mở tài khoản, khách hàng chỉ cần có chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu và liên hệ với tư vấn viên thông qua một đường dẫn hình ảnh (video link). Khách hàng cũng có thể scan các tài liệu cần thiết, xác thực danh tính, đăng nhập vào tài khoản bằng sinh trắc vân tay cũng như in biểu mẫu đăng kí cho các sản phẩm tài chính. Mô hình LiveBank đã được triển khai tại nhiều quốc gia trên thế giới, tuy vậy, riêng tại Việt Nam, Live Bank vẫn phải có nhân viên đứng hướng dẫn cho khách hàng để đảm bảo tuân thủ quy định về định danh khách hàng cần gặp mặt trực tiếp. Như vậy, quy định KYC cần gặp mặt trực tiếp như hiện nay cũng cản trở việc ứng dụng công nghệ trong cung cấp dịch vụ mở tài khoản nói riêng và dịch vụ tài chính tới khách hàng nói chung.

2. Tài khoản tiền điện tử tại Việt Nam

Trong bối cảnh sự phát triển và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực thanh toán phát triển mạnh những năm qua, các ngân hàng, các tổ chức nhận tiền gửi khác cũng như các TCCUDVTT không nhận tiền gửi (ở Việt Nam được gọi là các tổ chức trung gian thanh toán) được phép cung cấp những phương tiện thanh toán trả trước dựa trên tài khoản điện tử. Tài khoản điện tử cho phép lưu trữ một giá trị tiền tệ được bảm đảm bằng giá trị tiền gửi được gọi là tài khoản tiền điện tử. Những tài khoản điện tử loại này cũng có chức năng chuyển/nhận các khoản thanh toán và lưu trữ giá trị, do đó cũng được coi là tài khoản giao dịch.

Xét về bản chất của tài khoản tiền điện tử, đối chiếu với các văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn tại Việt Nam, ở Việt Nam đã tồn tại hai hình thức của tài khoản tiền điện tử là: **thẻ trả trước** và **ví điện tử**.

(i) Thẻ trả trước

Khái niệm thẻ trả trước lần đầu tiên được đề cập tại Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 15/5/2007 ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ thẻ ngân hàng. Theo đó, thẻ trả trước là "thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho tổ chức phát hành thẻ". Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng thay thế Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN tiếp tục giữ nguyên khái niệm này nhưng có điều chỉnh việc phân loại thẻ trả trước thành 02

loại là: thẻ trả trước định danh (có các thông tin định danh chủ thẻ) và thẻ trả trước vô danh (không có các thông tin định danh của chủ thẻ).

Về hoạt động của thẻ trả trước như phát hành, sử dụng, thanh toán, quyết toán giao dịch thẻ...được quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017) quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Thời gian qua xu hướng thẻ trả trước đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, số lượng thẻ trả trước đang lưu hành trên toàn quốc đến cuối năm 2017 đạt khoảng 7,99 triệu thẻ (trong đó thẻ trả trước nội địa đạt mức 5,48 triệu thẻ và thẻ trả trước quốc tế là 2,32 triệu thẻ), tăng 41,12% so với năm 2016 và có chiều hướng tiếp tục gia tăng để đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng cao của khách hàng.

(ii) Ví điện tử

Khái niệm ví điện tử tại Việt Nam được quy định lần đầu tiên tại Thông tư 39/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán (Thông tư 39). Sau đó, khái niệm này bị bãi bỏ và hiện được quy định tại Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (Nghị định 80). Theo đó "Dịch vụ ví điện tử là dịch vụ cung cấp cho khách hàng một tài khoản điện tử định danh do các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tạo lập trên vật mang tin (như chip điện tử, sim điện thoại di động, máy tính...), cho phép lưu giữ một giá trị tiền tệ được đảm bảo bằng giá trị tiền gửi tương đương với số tiền được chuyển từ tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử theo tỷ lệ 1:1".

Thông tư 39 cũng đặt ra những quy định nhằm quản lý hoạt động ví điện tử. Theo đó, tổ chức cung ứng dịch vụ có trách nhiệm yêu cầu *khách hàng phải có tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng* trước khi sử dụng dịch vụ (Khoản 1e Điều 13); Việc nạp tiền vào Ví điện tử, rút tiền ra khỏi Ví điện tử của khách hàng *phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán* của khách hàng tại ngân hàng (Khoản 3 Điều 9); và "Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử *không được phép phát hành hơn 01 ví điện tử* cho một tài khoản thanh toán của khách hàng tại một ngân hàng" (Khoản 1a, Điều 9).

Về đối tượng được cung ứng ví điện tử, Nghị định 80 và Thông tư 39 quy định: *Dịch vụ ví điện tử* là một trong những *dịch vụ hỗ trợ dịch vụ thanh toán*, thuộc phạm vi các *dịch vụ trung gian thanh toán*, do các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức không phải ngân hàng được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Từ năm 2008, NHNN đã cho phép 08 tổ chức không phải là ngân hàng được thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử và phải đến năm 2015, bốn công ty mới nhận được giấy phép hoạt động chính thức. Tính đến tháng 6/2018, NHNN đã cấp Giấy phép cho 27 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó có 24 tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử trên thị trường và chưa có ngân hàng nào cung ứng loại dịch vụ này. Số lượng phát hành và giao dịch qua Ví điện tử tăng trưởng qua các năm. Đến cuối 2017, số lượng ví điện tử phát hành đã đạt 6,6 triệu, tăng 73% so với thời điểm cuối năm 2016. Số lượng giao dịch qua ví điện tử năm 2017 đã đạt gần 168 triệu món, tăng 33% so với năm 2016, giá trị giao dịch đạt tới hơn 94.920 tỷ đồng, tăng 80% so với năm 2016.

Sự gia tăng ấn tượng của số lượng ví phát hành và giá trị giao dịch qua ví những năm gần đây cho thấy ví điện tử đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển với tiềm năng rất lớn trên thị trường Việt Nam. Ví điện tử ngày càng được người tiêu dùng chấp nhận rộng rãi, đã và đang đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và mục tiêu phổ cập tài chính tại Việt Nam. Ví điện tử là điển hình cho xu hướng số hóa mãnh mẽ sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam.

Đồng thời, một số ví điện tử cũng cho phép khách hàng không có tài khoản ngân hàng được mở và sử dụng ví điện tử[11] nhưng quy định giới hạn giao dịch trong một ngày (ví dụ như Momo, khách hàng không có tài khoản ngân hàng được giao dịch tối đa 500.000/ngày). Một số ví điện tử khác cũng quy định việc mở và sử dụng ví điện tử theo cấp độ xác thực khách hàng. Ví dụ như Viettelpay, Zalopay...cho phép hạn mức giao dịch, số dư tối đa trong tài khoản ví càng cao nếu mức độ xác thực thông tin khách hàng càng chi tiết. Các hình thức xác thực khách hàng của ví điện tử hiện nay cũng khá đa dạng như: tự chụp ảnh chân dung bằng điện thoại (selfie) và hai mặt của chứng minh thư, thẻ căn cước, có kiểm tra tính trung thực và khớp đúng giữa người chụp và chứng minh thư/thẻ căn cước; quay video clip, ghi âm; xác thực lại với cơ sở dữ liệu nhân thân dùng chung...

3. Tài khoản cơ bản ở Việt Nam (tài khoản thanh toán cơ bản)

Tại Việt Nam hiện nay **chưa có quy định** về tài khoản cơ bản, theo nghĩa là tất cả mọi công dân trưởng thành đều có quyền mở tại một định chế tài chính chính thức hoặc một tổ chức được phép, để tiếp nhận các khoản thanh toán cần

[11] Theo Công văn số 103/NHNN-TT ngày 07/01/2015 của NHNN chấp thuận triển khai mô hình thí điểm Vietcombank phối hợp với Công ty M_Service cung cấp dịch vụ chuyển tiền giá trị nhỏ dựa trên nền tảng Ví điện tử MoMo, trong đó có cung cấp dịch vụ chuyển tiền cho khách hàng không có tài khoản ngân hàng.

thiết tối thiểu như tiền lương, tiền công, trợ cấp an sinh xã hội và thanh toán các hóa đơn dịch vụ công, không yêu cầu số dư tối thiểu hoặc không kèm theo phí dịch vụ.

Tuy vậy, đối với các khoản thanh toán cần thiết tối thiểu, hiện nay Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam đã thực hiện dịch vụ chi trả lương hưu, bảo trợ xã hội, chế độ người có công… theo ủy quyền của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Hiện tại tổng số khách hàng mà Tổng Công ty Bưu điện quản lý là 3 triệu người nhận lương hưu, 2,6 triệu người nhận bảo trợ xã hội và 1,4 triệu người có công với cách mạng. Việc chi trả này được thực hiện bằng tiền mặt mà không thông qua tài khoản ngân hàng. Số tiền không chi trả hết sẽ được chuyển lại cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam do Tổng Công ty Bưu điện không được phép mở tài khoản và duy trì số dư trên tài khoản cho khách hàng.

Từ thực trạng trên cho thấy, ở Việt Nam hiện nay tồn tại hai loại tài khoản giao dịch là tài khoản thanh toán và tài khoản tiền điện tử. Hai loại tài khoản này có nội hàm tương thích với khái niệm theo thông lệ quốc tế đã nêu tại Phần I Chuyên đề này. Mức độ tiếp cận tài khoản thanh toán ở Việt Nam được đánh giá ở mức thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong khi đó, tài khoản tiền điện tử phát triển khá muộn và vẫn đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển với tiềm năng rất lớn ở thị trường Việt Nam. Có hai nguyên nhân chính cản trở việc mở và sử dụng tài khoản giao dịch tại Việt Nam, đó là: (i) yêu cầu về nhận biết khách hàng khá chặt chẽ khi ngân hàng phải gặp mặt trực tiếp khách hàng để mở tài khoản thanh toán; (ii) ở Việt Nam hiện chưa có quy định về tài khoản cơ bản.

III. Kinh nghiệm quốc tế về một số vấn đề của tài khoản giao dịch

Như đã phân tích ở phần thực trạng, ở Việt Nam hiện nay nổi lên hai vấn đề chính cản trở việc mở và sử dụng tài khoản giao dịch của khách hàng là yêu cầu về nhận biết khách hàng và Việt Nam hiện chưa có quy định về tài khoản cơ bản. Những kinh nghiệm quốc tế sau đây sẽ tập trung vào 02 vấn đề này nhằm đưa ra những đề xuất về tài khoản giao dịch tại Việt Nam và đơn giản hóa quy trình nhận biết khách hàng nhằm tạo thuận lợi hơn cho các tổ chức cung ứng dịch vụ và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp.

1. Yêu cầu về nhận biết khách hàng

- Đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản

Nhiều cơ quan quản lý tài chính bắt đầu nhận thức được sự ảnh hưởng tiêu cực của những yêu cầu về thủ tục nhận biết khách hàng đối với tài chính

toàn diện. Chính vì vậy Bản giải trình của FATF[12] đối với Khuyến nghị số 10 về Nhận biết khách hàng có nói rõ "một quốc gia có thể cho phép các tổ chức tài chính của mình áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đơn giản hơn" trong điều kiện mà rủi ro hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố ở mức thấp (FATF, 2012). Theo khuyến nghị của FATF, một trong những phương thức tiếp cận minh họa cho việc trên là "việc cung ứng một số sản phẩm dịch vụ tài chính ở mức độ hạn chế và phù hợp cho một số đối tượng khách hàng nhất định sẽ làm tăng khả năng tiếp cập và thúc đẩy tài chính toàn diện". (FATF, 2012).

Theo Báo cáo mới đây của NHTG về tài chính toàn diện[13], 60 vùng lãnh thổ (chiếm 50%) đã xây dựng một quy trình nhận biết khách hàng đơn giản hóa hoặc xác định những trường hợp ngoại lệ đối với một số đối tượng nhất định, ví dụ như người có thu nhập thấp hoặc một số loại tài khoản dành cho các giao dịch giá trị thấp, ít rủi ro. Một ví dụ điển hình là loại hình tài khoản ngân hàng cơ bản chỉ yêu cầu những giấy tờ và thủ tục đơn giản đồng thời chịu sự hạn chế về khối lượng giao dịch.

Đối với việc đơn giản hóa quy trình nhận biết khách hàng hay không, kết quả cho thấy, khoảng 40% các nước được khảo sát cho biết các ngân hàng thương mại được phép áp dụng quy trình giám sát giao dịch đơn giản hơn dựa trên cơ sở mức độ rủi ro được đánh giá là thấp. 30% quốc gia cho biết các ngân hàng thương mại của họ được phép thực hiện nhận biết khách hàng không cần gặp mặt trực tiếp (thông qua đại lý hoặc qua điện thoại di động). Khoảng một phần ba các quốc gia cho biết các đơn vị cung ứng dịch vụ tài chính chấp nhận một số giấy tờ chứng minh nhân thân không chính thống. Một vài quốc gia thậm chí còn cho phép sử dụng kết quả nhận biết khách hàng của một bên thứ ba.

Thêm vào đó, Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) cũng đã đề nghị hủy bỏ những yêu cầu về chứng minh nhân thân đã đặt ra trước năm 2012 mà buộc phải tuân thủ tại mọi cấp độ và bởi tất cả khu vực tài chính bất kể quy mô và tính chất của dịch vụ cũng như mức độ rủi ro có thể có. Yêu cầu của FATF là cần áp dụng nguyên tắc tỷ lệ tương xứng vào luật phòng chống rửa tiền. Theo quy định mới, khi khách hàng có hồ sơ rủi ro thấp, cơ quan quản lý cần cho phép được loại trừ khỏi những quy định AML/CFT với một số giao dịch hạn chế nhất định và áp dụng những quy trình xác thực nhân thân đơn giản hóa ở những nơi thích hợp.

[12] FATF là một tổ chức liên chính phủ được thành lập năm 1989 theo sáng kiến của Nhóm G7 để xây dựng các chính sách phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

[13] Nguồn: *Report on Global Financial Inclusion and Consumer Protection Survey, WBG, 2017*

- Xu hướng e-KYC

Xu hướng e-KYC đang được hiện thực hóa cùng với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong những năm gần đây, khu vực Châu Á nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

Tại Ấn Độ, từ năm 2016, quy trình KYC truyền thống đã được chuyển thành e-KYC. Việc mở tài khoản rất đơn giản, chỉ dựa vào cuộc gọi hình ảnh trực tuyến (video conference), mã số định danh Aadhaar[14] và dấu vân tay/võng mạc được lưu trữ tại Cơ quan nhận dạng quốc gia UIDAI. Tính tới thời điểm hiện tại, đã có gần 3,5 triệu giao dịch e-KYC được thực hiện tại 234 Cơ quan xác nhận e-KYC được cấp phép, bao gồm các tổ chức tín dụng, cơ quan chính phủ...

Tại Hàn Quốc, Kakao Bank là ngân hàng tiên phong trong công cuộc số hóa ngân hàng và gặt hái được những thành công to lớn khi chỉ trong vòng 1 tháng ra mắt, Kakao Bank thu hút 3 triệu người dùng, lượng tiền gửi lên đến 2 nghìn tỷ won (1,78 tỷ đô) và cho vay tới 1,8 tỷ won. Có được thành công này là do quy trình định danh khách hàng của Kakao Bank khá khác biệt so với các ngân hàng truyền thống, đó là khách hàng không cần phải tới gặp trực tiếp nhân viên của Kakao Bank. Trong trường hợp khách hàng đã có sẵn tài khoản của một ngân hàng khác, khách hàng có thể lựa chọn cung cấp thông tin về tài khoản đó cho Kakao Bank, ngân hàng sẽ chuyển một khoản tiền rất nhỏ (1 won) tới tài khoản được cung cấp với nội dung chuyển tiền là mã xác nhận. Khách hàng sẽ nhập mã xác nhận đó vào ứng dụng trên điện thoại của Kakao Bank để hoàn thành quy trình định danh. Đối với khách hàng chưa từng mở tài khoản ngân hàng nào, khách hàng có thể thực hiện cuộc gọi video với nhân viên của Kakao Bank sau khi gửi bản sao của thẻ định danh qua email hoặc qua ứng dụng để hoàn tất quá trình định danh.

Tại Đông Nam Á, Singapore, Indonesia, Thái Lan hay Philippines đều là các quốc gia đã cho phép triển khai e-KYC.

Một đặc điểm chung của các quốc gia này là việc triển khai e-KYC phải dựa trên mã số định danh công dân kết hợp quét vân tay hoặc mống mắt. Để làm được điều này, các quốc gia phải xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia về công dân, mỗi công dân được cung cấp một mã số định danh tương ứng. Các dữ liệu được lưu trữ bao gồm: mã số định danh, tên tuổi, ngày sinh, nơi sinh, địa chỉ cư trú, tình trạng cư trú...Đồng thời, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương cũng có cơ chế hỗ trợ, chủ động ban hành, sửa đổi hành lang pháp lý để triển khai phương thức e-KYC một cách nhanh chóng, toàn diện.

[14] Là mã số gồm 12 chữ số do Cơ quan nhận dạng quốc gia UIDAI cung cấp cho mỗi công dân, có lưu trữ vân tay hoặc quét võng mạc.

2. Xu hướng phát triển tài khoản cơ bản trên thế giới

Mức phí cao khi mở và sử dụng tài khoản thanh toán có tác động tiêu cực đối với những người thu nhập thấp. Một bộ phận lớn cá nhân và doanh nghiệp nhỏ/siêu nhỏ không có đủ khả năng trang trải mức phí đó, đồng nghĩa với việc họ bị loại trừ ra khỏi hệ thống tài chính. Tuy nhiên, với ý nghĩa quan trọng của tài khoản giao dịch đối với việc thúc đẩy tài chính toàn diện, nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay đã phát triển một loại tài khoản cơ bản với những tính năng đơn giản chủ yếu để sử dụng các dịch vụ thanh toán và hầu như không mất phí. Thậm chí một số quốc gia đã ban hành quy định công dân có quyền mở một tài khoản cơ bản tại ngân hàng.

Theo Báo cáo phân tích của Nhóm đặc trách PAFI thu thập thông tin từ các quốc gia thành viên, nhìn chung, các nước đều nhận ra tầm quan trọng của tài khoản cơ bản là một phần của chiến lược tài chính toàn diện. Gần như tất cả các quốc gia cung cấp thông tin đều cho biết quốc gia mình có một loại tài khoản cơ bản. Đa số cho biết tại quốc gia của họ, tài khoản cơ bản được cung ứng thông qua các tổ chức nhận tiền gửi (gồm các ngân hàng), mặc dù trong một số trường hợp, các đại lý được ủy thác, bưu điện và các cửa hàng bán lẻ cũng tham gia vào việc cung ứng các tài khoản cơ bản.[15]

Một số quốc gia đã tiến hành hoặc đang xem xét ban hành quy định công dân có quyền có một tài khoản ngân hàng cơ bản chỉ dùng để sử dụng các dịch vụ thanh toán với chi phí thấp và tính năng đơn giản. Điển hình là:

- Tại Châu Âu, Chỉ thị 2014/92/EU của Liên minh châu Âu quy định tất cả công dân EU - không phân biệt tình hình tài chính và nơi cư trú - có quyền mở tài khoản cơ bản cho phép họ thực hiện các giao dịch cần thiết, chẳng hạn như nhận tiền lương, lương hưu, trợ cấp, hoặc thanh toán hóa đơn tiện ích. Các tài khoản này không có tính năng thấu chi, tín dụng và được cung ứng kèm với một thẻ ghi nợ để tiện sử dụng. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm việc tiếp cận dễ dàng tài khoản cơ bản cho tất cả người dân trong nước. Tài khoản cơ bản ở EU được phép áp một mức phí hợp lý.

- Tại Ấn Độ, nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện quốc gia, từ năm 2005 (điều chỉnh lại vào 2012) đã có quy định về một tài khoản cơ bản không yêu cầu số dư tối thiểu, được phép gửi và rút tiền mặt tại chi nhánh ngân hàng và máy ATM, nhận/nạp tiền qua các kênh thanh toán điện tử. Tuy nhiên, chủ tài khoản

[15] Nguồn: Dựa trên dữ liệu từ khảo sát của Nhóm đặc trách CPMI-WBG PAFI. Thuật ngữ "tài khoản cơ bản" được sử dụng theo mục đích của báo cáo khảo sát. Trong một số quốc gia được hỏi, thuật ngữ này không được sử dụng với cái tên như vậy, mặc dù trên thị trường cũng có một số sản phẩm với vài đặc điểm tương đồng (ví dụ như tài khoản tiền lương). Những quốc gia được hỏi là Brazil, Trung Quốc, El Salvador, Đức, Hồng Kong, Ấn Độ, Ý, Hàn Quốc, Mauritius, Mexico, Mozambique, Namibia, Nga, Seychelles, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ, Uruguay và Zimbabwe.

chỉ được rút tiền mặt một số lần hạn chế trong một tháng, bao gồm cả rút từ máy ATM. Các chức năng trên được cung cấp không mất phí và cũng không tính phí đối với những tài khoản không hoạt động. Ngân hàng được quyền lựa chọn xây dựng các yêu cầu khác bao gồm cơ cấu tính phí cho những dịch vụ gia tăng thêm bên ngoài những dịch vụ cơ bản tối thiểu đã quy định ở trên một cách công khai, hợp lý và không phân biệt đối xử. Tài khoản cơ bản tuân theo quy định về nhận biết khách hàng KYC/Phòng chống rửa tiền của NHTW Ấn Độ.

Bên cạnh đó Chính phủ Ấn Độ còn quy định một *tài khoản tối thiểu* với quy trình KYC đơn giản hơn rất nhiều. Người mở tài khoản chỉ cần trình một giấy tờ tùy thân bất kỳ chứng minh danh tính và địa chỉ, khai vào mẫu và điểm chỉ vân tay, hoặc chỉ cần giấy giới thiệu của chính quyền địa phương nơi cư trú. Thủ tục này có thể hoàn tất sau khi mở tài khoản nếu có lý do hợp lý. Tài khoản tối thiểu này có thời gian hoạt động trong 12 tháng, bị hạn chế về giá trị tối đa được rút trong một tháng, số dư tối đa tại một thời điểm, tổng giá trị của các khoản ghi có không vượt quá mức nhất định trong năm.

- Tại Thái Lan, để thúc đẩy tài chính toàn diện, mới đây (tháng 7/2018) Ngân hàng trung ương Thái Lan đã thông qua một Biên bản ghi nhớ với 14 ngân hàng thương mại trong nước và 2 ngân hàng chính sách, theo đó những ngân hàng này sẽ cam kết cung cấp tài khoản cơ bản không yêu cầu số dư tối thiểu và không mất phí. Giai đoạn đầu, tài khoản loại này chỉ cấp cho những người già trên 65 tuổi và những người thu nhập thấp là đối tượng thụ hưởng của các chương trình an sinh xã hội của Chính phủ. Tài khoản lại này có thể mở rộng cho các tổ chức nhận tiền gửi khác trong giai đoạn tiếp theo.

Theo Báo cáo khảo sát Phương diện thanh toán của Tài chính toàn diện do Ngân hàng Thế giới công bố năm 2016, ở phần lớn các quốc gia, việc cung ứng các tài khoản cơ bản xuất phát từ nhu cầu thị trường. Rất hiếm trường hợp các tổ chức cung ứng dịch vụ bị bắt buộc phải cung ứng tài khoản cơ bản theo yêu cầu pháp lý/quản lý ở các quốc gia được hỏi.

IV. Các giải pháp về tài khoản giao dịch cho mục tiêu tài chính toàn diện

Căn cứ kinh nghiệm quốc tế và thực trạng tại Việt Nam nêu trên, Chuyên đề xin được đề xuất một số giải pháp về tài khoản giao dịch như sau:

Cung cấp tài khoản giao dịch cho người dân cần được coi là ưu tiên hàng đầuNếu coi tiếp cận tài chính là một quyền của người dân, giống như quyền học tập và khám chữa bệnh, thì việc sở hữu tài khoản giao dịch có ý nghĩa rất quan trọng. Việc toàn bộ người dân có tài khoản còn giúp cho công việc quản

lý xã hội tốt hơn khi các giao dịch được thực hiện qua tài khoản đảm bảo được tính minh bạch và chống thất thoát.

Do đó, việc cung cấp tài khoản giao dịch cho người dân cần được coi là ưu tiên hàng đầu, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người dân, thực hiện mục tiêu tài chính toàn diện đầy đủ, không để bất cứ ai bị tụt lại phía sau trong quá trình phát triển.

2. Hoàn thiện chính sách về mở tài khoản, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng/TCCUDVTT mở rộng cơ sở khách hàng, đảm bảo tiến tới mỗi người trưởng thành có ít nhất một tài khoản giao dịch

Giải pháp đưa ra là xây dựng một chính sách về các hình thức tài khoản theo các cấp độ khác nhau với những tính năng, yêu cầu về quy trình, thủ tục mở tài khoản tương ứng với mỗi loại tài khoản. Theo đó, cần nghiên cứu, ban hành khung pháp lý quy định về *tài khoản giao dịch* với tính năng tối thiểu là nhận tiền, rút hoặc chuyển tiền, lưu trữ giá trị, có thể áp dụng cho mọi cá nhân, doanh nghiệp. Tùy thuộc vào tính năng, các cấp độ của tài khoản giao dịch được xác định theo mức độ rủi ro từ cao xuống thấp bao gồm:

- *Tài khoản cơ bản*: yêu cầu nhận biết khách hàng cần đơn giản và dựa trên một nguồn dữ liệu khách hàng đủ tin cậy. Hiện tại có thể dựa trên mã số *Bảo hiểm xã hội được coi là số duy nhất cho mỗi cá nhân* để cung cấp tài khoản cơ bản cho những đối tượng thật cần thiết; Sau này khi cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia được hoàn thành sẽ sử dụng *số căn cước công dân* để gắn vào tài khoản. Người sở hữu tài khoản có thể sử dụng tài khoản để tiếp nhận các khoản thanh toán cần thiết tối thiểu, như lương hưu, bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội, chế độ người có công, thanh toán hóa đơn dịch vụ công… Tài khoản cơ bản không chịu phí quản lý tài khoản và số dư tối thiểu, tính năng giới hạn ở một số giao dịch nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền giá trị nhỏ, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ tiện ích, liên kết với thẻ ATM, giới hạn số dư được phép lưu trữ trên tài khoản;

- *Tài khoản tiền điện tử*: được mở tại ngân hàng hoặc các tổ chức phi ngân hàng, được cung ứng một số dịch vụ thanh toán hạn chế, cho phép lưu trữ giá trị điện tử có giới hạn, với những thủ tục nhận biết khách hàng không quá chặt chẽ nhưng vẫn bảo đảm các yêu cầu về phòng chống rửa tiền, có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nhận biết khách hàng mà không yêu cầu phải gặp mặt trực tiếp.

- *Tài khoản thanh toán*: chỉ được phép mở tại ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đồng thời, không giới hạn về số dư và phạm vi cung ứng dịch vụ thanh

toán hoặc các định chế được phép nhận tiền gửi, tuân thủ chặt chẽ các quy trình nhận biết khách hàng và được cung cấp đầy đủ các dịch vụ thanh toán. Phí dịch vụ tài khoản đương nhiên cũng được phép điều chỉnh kèm theo loại hình và phạm vi dịch vụ cung ứng, phù hợp với khả năng chi trả của từng loại đối tượng khách hàng.

Đây là cách tiếp cận đang được nhiều quốc gia áp dụng để giải quyết được sự cân bằng giữa một bên là đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản và một bên là phòng ngừa rủi ro, bao gồm cả phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Đồng thời cũng giải quyết được nhiều cấp độ nhu cầu của người sử dụng dịch vụ tài chính thông qua các cấp độ tài khoản, với các điều kiện sử dụng khác nhau, tương ứng với phạm vi cung ứng dịch vụ và mức độ rủi ro gắn với việc sử dụng tài khoản thanh toán và giá trị lưu trữ trên tài khoản.

3. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng KYC

Luật Phòng chống rửa tiền của Việt Nam hiện đang có hiệu lực là đi theo cách tiếp cận dựa trên cơ sở rủi ro theo đúng tinh thần sửa đổi của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) năm 2012[16]. Do đó, có thể điều chỉnh (sửa đổi) lại Nghị định 116 hướng dẫn thi hành luật theo hướng đơn giản hóa những quy định, yêu cầu nhận biết khách hàng theo tỷ lệ tương xứng với hồ sơ rủi ro của khách hàng và tính chất giao dịch. Với những tài khoản phục vụ những giao dịch giá trị thấp, số lượng giao dịch hạn chế sẽ chỉ cần thực hiện quy trình nhận biết khách hàng đơn giản, và không nhất thiết phải gặp mặt trực tiếp khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có những biện pháp thay thế mà vẫn đảm bảo yêu cầu xác thực khách hàng như tinh thần của Điều 11 Luật Phòng chống rửa tiền nói trên. Đồng thời cũng cần cân nhắc sửa đổi những quy định có liên quan đến yêu cầu phải gặp mặt trực tiếp khách hàng của Thông tư 23/2013/TT-NHNN hướng dẫn mở tài khoản thanh toán.

Việc xác thực nhân thân cũng dễ dàng hơn nếu có một cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất, theo đó mỗi công dân kể từ khi ra đời có một số định danh công dân, là mã số duy nhất của mỗi cá nhân, không được phép trùng lắp. Nếu cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia của Việt Nam được xây dựng hoàn thành và cho phép các TCCUDVTT khai thác thì các TCCUDVTT chỉ việc tiến hành xác thực nhân thân khách hàng một cách đơn giản thông qua mã số định danh (số căn cước công dân) của khách hàng và gắn mã số định danh với tài khoản mở cho khách hàng. Mọi giao dịch của chủ tài khoản sẽ được quản lý trên cơ sở số định danh duy nhất đó và vấn đề phòng chống gian lận, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố cũng sẽ trở nên đơn giản hơn, nhất là đối với các giao dịch điện tử. Hiện tại Việt Nam đang khẩn trương xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia

[16] Đã nêu tại phần kinh nghiệm quốc tế về yêu cầu nhận biết khách hàng

do Bộ Công an chủ trì thực hiện và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2020. Đây sẽ là tiền đề quan trọng cho việc triển khai áp dụng xác thực nhân thân bằng phương thức điện tử (eKYC) khi các TCCUDVTT được quyền tiếp cận trực tuyến với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.Tóm lại, cần nghiên cứu, ban hành quy định về thủ tục nhận biết khách hàng và xác thực nhân thân khách hàng khi mở tài khoản lần đầu căn cứ vào mức độ rủi ro tùy theo phạm vi và tính chất dịch vụ cung cấp cho chủ tài khoản, theo đó chỉ bắt buộc áp dụng quy trình nhận biết khách hàng đầy đủ và trực tiếp đối với tài khoản thanh toán; cho phép áp dụng quy trình nhận biết khách hàng đơn giản và gián tiếp từ xa bằng phương thức điện tử trực tuyến (e-KYC) đối với tài khoản tiền điện tử và tài khoản cơ bản phục vụ cho nhu cầu thanh toán giá trị nhỏ của cá nhân và doanh nghiệp.

4. Ban hành chính sách về việc cấp một tài khoản cơ bản miễn phí

- Khuyến khích các ngân hàng, tạo điều kiện cho các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cho phép các tổ chức phi ngân hàng khác đủ điều kiện (do NHNN xác định) được mở tài khoản cơ bản.

- Tài khoản cơ bản trước mắt cần tập trung vào những đối tượng thụ hưởng các chương trình trợ cấp xã hội, người về hưu, người nghèo ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách trên cần được tiến hành động bộ với việc mở rộng các điểm cung cấp dịch vụ, điển hình là triển khai mô hình đại lý ngân hàng (đã được nghiên cứu và đề xuất tại Chuyên đề "Mô hình đại lý ngân hàng: Thực tiễn quốc tế và những khuyến nghị chính sách cho Việt Nam" của Viện Chiến lược ngân hàng). Các đại lý ngân hàng có thể nhận, xem xét và chuyển tiếp hồ sơ đăng ký mở tài khoản cơ bản, nạp/rút tiền mặt trong tài khoản... để đưa người dân tiếp cận gần nhất với tài khoản cơ bản nói riêng và dịch vụ ngân hàng nói chung.

5. Sửa đổi các quy định pháp lý theo hướng đơn giản hóa những yêu cầu nhận biết khách hàng đối với ví điện tử:

- Cho phép, khuyến khích KYC theo cấp độ đối với Ví điện tử. Ví điện tử có thể được mở theo cấp độ theo hướng phạm vi dịch vụ càng mở rộng, hạn mức giao dịch, số dư tối đa trong ví càng cao nếu thông tin xác thực khách hàng càng chi tiết.

- Mở rộng mô hình thí điểm chuyển tiền giá trị nhỏ hợp tác giữa Công ty M-Service và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (ví MoMo), giữa Viettel và Ngân hàng Quân đội (ví Viettelpay) sang các loại ví khác với điều kiện nhà cung cấp ví đó liên kết với một ngân hàng thương mại cùng cung cấp dịch vụ. Theo đó, các công ty cung cấp dịch vụ ví điện tử được mở tài khoản ví cho khách

hàng không có tài khoản ngân hàng, việc nạp/rút tiền mặt có thể được thực hiện tại các điểm giao dịch là đại lý ủy quyền của ngân hàng và công ty cung cấp ví.

6. Đẩy mạnh triển khai những chính sách hướng tới việc sử dụng tài khoản giao dịch của cá nhân

Các chính sách cụ thể là: thu thuế và phí thông qua tài khoản, thanh toán hóa đơn tiện ích, học phí, viện phí bằng tài khoản. Đặc biệt là các chương trình chi trả lương hưu, trợ cấp xã hội, những khoản thanh toán định kỳ của Nhà nước cần được thực hiện chi trả trực tiếp vào tài khoản của người thụ hưởng.

Tài khoản giao dịch (theo cấp độ) là một giải pháp hiệu quả thúc đẩy tài chính toàn diện, dự kiến là một trong những giải pháp trọng yếu của Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do NHNN đang xây dựng.

VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

PHỤ LỤC

Các văn bản pháp luật liên quan

Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010

Luật Phòng chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012

Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 về thanh toán không dùng tiền mặt

Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền

Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt

Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 08 năm 2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Thông tư 39/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng

Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2016/TT-NHNN

Thông tư 32/2016/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung môt số điều của thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán